

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

1/3/2014



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Bà Đinh Thị Thúy	Thành viên
Ông Christopher Nghĩa Đỗ	Thành viên
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Bà Chu Thị Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thiện	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Lê Quang Vinh	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
Ông Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

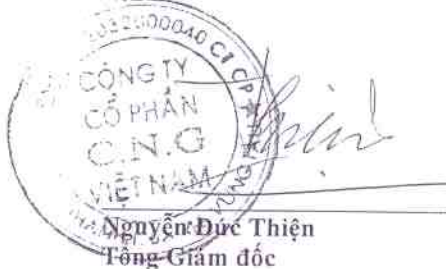


CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *Nguyễn Đức Thiện*



Nguyễn Đức Thiện
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2009

BA

1872-6
HÀNH
CÔNG TY
SINH HỮU
HỮU
C. NAM
À NỒ
CÔNG

Số: *AL* /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



[Signature]
Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám Đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 16 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

[Signature]

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.804.447.039	11.189.243.925
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.589.526.362	11.016.964.603
1. Tiền	111		1.864.088.543	5.016.964.603
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.725.437.819	6.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.013.030.387	-
1. Phải thu khách hàng	131		3.834.235.264	-
2. Các khoản phải thu khác	135		178.795.123	-
IV. Hàng tồn kho	140	6	168.907.978	5.441.000
1. Hàng tồn kho	141		168.907.978	5.441.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.032.982.312	166.838.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		434.700.893	20.766.217
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		436.102.419	136.572.105
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		162.179.000	9.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.616.249.177	1.465.128.427
I. Tài sản cố định	220		66.223.222.901	1.337.218.554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	62.837.483.218	1.055.353.296
- Nguyên giá	222		65.148.563.414	1.101.229.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.311.080.196)	(45.875.805)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	25.510.275	32.313.015
- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.503.425)	(1.700.685)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.360.229.408	249.552.243
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.393.026.276	127.909.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	663.799.026	107.144.873
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	599.177.250	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	20.765.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.420.696.216	12.654.372.352



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.381.788.763	769.098.754
I. Nợ ngắn hạn	310		14.700.464.862	769.098.754
1. Phải trả người bán	312		8.362.770.832	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	55.235.531	13.033.256
3. Phải trả người lao động	315		333.398.726	91.546.329
4. Chi phí phải trả	316		4.722.334.133	156.287.364
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.226.725.640	508.231.805
II Nợ dài hạn	330		21.681.323.901	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	21.556.941.201	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.382.700	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.038.907.453	11.885.273.598
I. Vốn chủ sở hữu	410		61.038.907.453	11.885.273.598
1. Vốn điều lệ	411	14	67.200.000.000	13.570.320.000
2. Dự phòng chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.641.931
3. Lỗ lũy kế	420	14	(6.161.092.547)	(1.688.688.333)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97,420,696,216	12.654.372.352



Nguyễn Đức Thiện
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Lê Thị Thu Giang

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

1372
 HANH
 NG TY
 SMHUU
 BTT
 (NA)
 (A-NH)
 16/3/09

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu gộp	01		7.866.382.436 -	-
2. Doanh thu thuần	10		7.866.382.436	-
3. Giá vốn hàng bán	11		(7.102.101.957) -	-
4. Lợi nhuận gộp	20		764.280.479	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.515.785.920 -	66.762.109
6. Chi phí tài chính	22	16	(1.271.132.375) -	(4.434.917)
7. Chi phí bán hàng	24		(1.757.271.060) -	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(4.101.476.384) -	(1.756.015.525)
9. Lỗ từ hoạt động kinh doanh	30		(4.849.813.420)	(1.693.688.333)
10. Thu nhập khác	31		128.895.369 -	5.000.000
11. Chi phí khác	32		(350.663.413)	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(221.768.044)	5.000.000
13. Lỗ kế toán trước thuế	50		(5.071.581.464) ^(A)	(1.688.688.333)
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	599.177.250	-
16. Lỗ sau thuế	60		<u>(4.472.404.214)</u>	<u>(1.688.688.333)</u>



Nguyễn Đức Thiện
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	Từ 28/5/2007 đến 31/12/2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(5.071.581.464)	(1.688.688.333)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.272.007.131	47.576.490
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	45.000.563	3.641.931
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.405.063.454)	(66.758.458)
Chi phí lãi vay	06	1.148.482.417	-
3. Lỗ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.011.154.807)	(1.704.228.370)
Tăng các khoản phải thu	09	(14.312.560.701)	(136.572.105)
Tăng hàng tồn kho	10	(163.466.978)	(5.441.000)
Tăng các khoản phải trả	11	21.072.825.212	769.098.754
Tăng chi phí trả trước	12	(970.588.829)	(127.911.090)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.095.538.372)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(265.605.931)	(30.265.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.253.909.594	(1.235.318.811)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(74.228.031.927)	(1.384.795.044)
Thu lãi tiền gửi	27	1.405.063.454	66.758.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.822.968.473)	(1.318.036.586)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	53.629.680.000	13.570.320.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.495.007.169	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.993.741.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	75.130.945.669	13.570.320.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.561.886.790	11.016.964.603
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	11.016.964.603	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	10.674.969	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	14.589.526.362	11.016.964.603

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 7.070.020.449 đồng (năm 2007 là không), là số tiền dùng cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Nguyễn Đức Thiện
 Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 3 năm 2009

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng



Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 16 là hồ phần hợp thành của báo cáo tài chính

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 5 năm 2007, và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông của Công ty là Công ty Cổ phần Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí (sở hữu 27,00% vốn điều lệ) và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (sở hữu 34,02% vốn điều lệ), được thành lập tại Việt Nam và IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 12,00% vốn điều lệ), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 26,98% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 82 người (năm 2007 là 13 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



